

SỐ 2098

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

LỜI TỰA

Phàm tử phủ danh sơn là nơi thấy 7 Đức Phật gá chân, Thanh lương Thánh cảnh là chốn muôn Bồ-tát ẩn tích. Phô bày từ xưa nay, đủ trong các Đồ tịch. Hoa lạ cỏ linh thoảng tỏa hương thơm, đá sâu mối lạnh ánh ngời thanh khiết, khí trong lành nhả tỏa trong rừng, mây đẹp lành dần trải trên đỉnh. Hang xanh vào đêm hừng hực mà đuốc đèn thường sáng. Động biếc gần sáng đau đầu mà chuông trống vọng vang. Người già thâm trầm nơi khe cốc, trẻ nhỏ đùa vui giữa khói mây. Lầu các rực rỡ trang nghiêm, điện đường cao vời tráng lệ. Hoặc là các bậc cao tăng từ xa đến tham phỏng, hoặc là các hàng quý tộc tới trông xem. Thấy hóa nghi mà kết duyên đặc đạo, nhìn tướng hảo mà phát nguyện chí thành, tu nhân thù đặc ở đời nay, chứng quả huyền diệu nơi kiếp khác. Thường trông thấy ánh sáng của ngọc hào, luôn cư trú trong thế giới kim sắc. Với người ngộ đạt thì thức tâm và kiến tánh. Với người quy y thì hết chướng mà tiêu tai. Có thể gọi là phước chẳng luống mất, công không đối bỏ. Biên tập thành truyện ký lưu truyền khắp nơi, dẫn dụ các hàng ngu xằng, đều tin sâu chắc, đồng lên đường giác, đều đến cửa huyền, đồng cỡi thuyền Bát Nhã cùng lên bờ Niết-bàn.

Ngày 17 tháng 2 năm Tân sửu (1181) thuộc niên hiệu Đại Định 91161-1190) thời nhà kim.

Kính cẩn ghi lời tựa thư Đường thiền viện vĩnh an sùng thọ.

Sa-môn Thích Quảng Anh.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

Thời tiền Đường, Sa-môn Tuệ tường ở Lam cốc soạn thuật

QUYỂN THƯỢNG

- 1- Lập danh nêu hóa
- 2- Phong vực lý số
- 3- Cổ kim thắng tích.

1. LẬP DANH NÊU HÓA

Kính cẩn y cứ theo kinh Hoa Nghiêm trong phẩm ‘Trú xứ Bồ-tát’ nói: “Ở phương Đông bắc, có trú xứ của Bồ-tát tên là núi Thanh lương. Trong quá khứ có vị Bồ-tát thường ở trong đó, và ở đó, hiện nay có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi, có vạn vị Bồ-tát ở đó thường về giảng nói pháp”. Tôi từng đến trông xem danh sơn xứ đất đó, tuy Tung sơn Đại sơn làm trấn, bông lai, hang tiên đều biên tập trong sách thế tục. Mọi sự chỉ tại vực nội, chưa có điều gì xuất phát từ kim khẩu lưu truyền trong bảo tạng. Gá muôn vị Thánh mà phu tuyên hoằng hóa, từ 5 xứ Ấn Độ mới đến di tích này, đẹp sáng núi linh, lợi khắp hiền kiếp. Đâu thường ghi chép thành thiên chương, đồng năm mà đàm nói ư!

Nay, trên núi có chùa Thanh lương, phía dưới có phủ Thanh lương, huyện Ngũ đài, đó thật đáng làm khuôn mẫu soi sáng vậy. Có 1 tên gọi núi Ngũ đài, trong đó có 5 quả núi cao vút, trên đỉnh đều không có cây rừng sinh mọc, mọi sự đồng như tích độ, nên gọi là Đài. Theo “Kinh lý nguyên thủy” nói là: “Núi đó có 5 quả cao vút vượt trên các núi khác, nên gọi đó là núi Ngũ Đài”. Năm Vĩnh Gia thứ 3 (309) thời Tây Tấn, tại huyện Tôn nhân, quận Nhạn môn có hơn trăm gia đình lánh nạn vào núi đó, bị người núi rượt đuổi vì đó mà không trở về, bèn ở yên giữa núi non hang trống. Những kẻ sĩ qua lại có lúc có trông thấy họ ở, nhưng đến phỏng tìm thì chẳng biết ở đâu. Nên mọi người cho núi đó là dinh đô của tiên giả vậy. Theo “Kinh tiên” nói là: “núi Ngũ đài gọi là Tử phủ, thường có hơi khí sắc tía lan tỏa, tiên nhân ở đó”. Theo “Tinh dị ký” nói là: “Tại Nhạn môn có núi Ngũ đài, hình núi có 5 ngọn cao trở trội,

có 1 đài thường mờ tối không thể sáng tỏ, vào những lúc trời trong mây tan thì có thể hiện bày”. Theo “Quát địa chí” nói là: “Núi đó, tầng cuộn cao vội đẹp xinh, đường cong uốn quanh. Núi linh khô thần, hàng phàm tục không thể nương ở. Những vị ở đó, hoặc là những bậc chuyên tinh thiên định, các vị tư duy huyền ảo, và phàm pháp sấm vang âm, hương khói tỏa bốn phía, những bậc mang tâm từ bi giác ngộ, tự nhiên xa vội. Mới nghiệm những vị đến núi đó, đến mà không trở về”. Theo “Tập ký giả” nói là: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc đại sĩ pháp thân, xưa trước đã thành chánh giác hiệu là Long Chung Tôn, là Hoan hỷ tạng, cũng có hiệu là Phổ Kiến Như Lai. Nay vì dùng sức phương tiện hiện thân Bồ-tát để vì đối dương Thánh chúng, nhiếp hóa cứu tế quần sinh, răn dẫn các loài xua đưa đến bờ kia để được tỏ rõ Đạo. Với các hàng có trí thức không đến được tận nguồn thì giải đàm về đạo tích, danh số không thể cùng cực thêm bậc. Chỉ vì các loài mê mờ trong đêm dài chẳng thể tự ngộ. Nên bèn rú giáng từ bi, hiện đến cõi nước Kham Nhẫn (Ta-bà) này, giữ gìn giáo pháp của chư Phật xưa trước, thường ở tại chốn đất Thanh lương, bày vết gân căn cơ đợi chờ bọn hám sinh chúng ta”. Theo “Kinh bát-nê-hoàn” nói là: “Nếu người chỉ nghe được danh hiệu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì dứt trừ được tội sinh tử trong 12 kiếp, nếu người nào lễ bái thì thường được sinh trong nhà Phật. Nếu người nào xưng danh hiệu từ 1 ngày đến 7 ngày thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hẳn sẽ hiện thân, như người bởi nghiệp chướng xưa trước cản ngăn thì trong mộng cũng được thấy hình tượng Bồ-tát, trong trăm ngàn kiếp chẳng sa đọa vào đường xấu ác. Lớn thay lợi ích ấy! Các người con đang ở trong nhà lửa, sao lại lãng quên nghĩ nhớ, chỉ rộng trông mong tướng kiến, tìm nguồn sông nơi vườn trời? Sa-môn Pháp Hiển đi tìm cầu chánh giác đến tận trời Thiên Trúc, hưởng gì chỉ trong thước tắc thân châu, khen lao nghe thấy. Qua về núi ấy chưa vượt quá thánng trời, vượt trái lên xuống chưa nhọc vài ngày. Há có thể chẳng nắn đất tâm mờ tối, phấn phát chân biếng lười, giảm trải qua thành thực nhỏ nhiệm này vì đến bờ giác ngộ ư?”

Có người hỏi rằng: “Đấng Đại Thánh giáo hóa mọi vật theo lý nên bình đẳng, tức nên khắp cùng muôn ức cõi nước, cơ sao lại ngưng trệ tại 1 phương này ư?”. Đáp rằng: “Thật đúng với yếu chỉ của Đức Như Lai! Thật đúng với yếu chỉ của Đức Như Lai! Chỉ phải đủ 3 duyên mới ở tại chốn này, đó là: Một là chư Phật từ xưa trước lần lượt túc trì tại đó. Hai là muốn khiến các hàng vô trí hạ ngu chuyên tâm có tại một chỗ và ba là các hàng ở đó căn cơ đã thuần thực có thể kham nhận mọi thấy nghe. Tôi cho rằng đạo lý đề nén hay nâng bốc, chỉ vậy mà thôi. ”

2. PHONG VỨC LÝ SỐ.

Núi, cách Trường An về phía Đông bắc hơn 1.600 dặm, thuộc quần hạt của Đại châu. Từ đỉnh núi đến Châu thành về phía Đông nam cách hơn trăm dặm. Núi đó về phía tả gần với Hằng Nhạc, về phía hữu tiếp liền với Thiên trì, phía Nam thuộc huyện Ngũ đại, phía Bắc đến tận huyện Phần trĩ, bao quanh dưới nền đến có hơn 500 dặm. Như là non cao lấm lổp chẵn, cốc thông suốt bay, xúc chạm đá nhả mây, tức từng làm lọng tán có đến hàng ngàn cây, sương tuyết mùa hạ ngưng đọng, khói mốc thường tích chứa, người vật chẳng thể lên giẫm trái qua, và cũng luôn luôn như vậy. Lên trên Trung đài trông nhìn bốn phía hết tầm mắt, chỉ có Hằng nhạc cao kề tiếp đó, còn các núi cốc khác đều men theo bên vệ như thanh thẳng vậy.

Trung đài cao 90 dặm, trên đỉnh đất bằng phẳng chu vi rộng 6 dặm lẻ 200 bộ. Hơi gần về phía Tây bắc có suối Thái hoa chu vi rộng 38 bộ, nước sâu 1 thước 4 tấc, trước sau với sự có cảm có cạn có sâu khác nhau, nước suối đó trong suốt ngưng ánh, chưa từng giảm khô, mọi người đều cho đó là nơi Thánh nhân sử dụng, nên qua lại phần nhiều đều đem các thứ hương hoa của cải đặt để vào đó cúng dường, 4 phía bờ trên đỉnh đài mỗi phía dài 2 dặm tuyệt không có cây cối lớn chỉ có cỏ hoặc lướt trái sinh mọc. Các đài khác, không có cây chỉ cỏ, thủy đều theo vậy. Theo “Kinh Ly nguyên thủy” ghi chú là: “Nguồn nước đây Đông nga cốc phát xuất từ Trung đài, nước đó có nhiều khe đua nhau sinh phát khổng chế các sông, chảy loạn về phía Tây nam, tải qua Tây đài, trái đến Đông nga cốc, nên gọi đó là Đông nga cốc.

Đông đài cao 38 dặm trên đỉnh đất bằng phẳng chu vi rộng 3 dặm, cách Trung đài với suối Thái hoa xa 42 dặm. Căn cứ theo “Quát Địa Chí” v. v... nói: “Các đài cao thấp, số dặm xa gần phần nhiều có trái vượt, bởi là Thủ đạo chẳng đồng, hoặc chỉ đài có khác, nay chỉ y cứ ở 1 nhà, còn ghi đại để như vậy. Nếu muốn đến Đông đài, trước tiên từ Trung đài qua Bắc đài, mới đầu qua khoảng giữa chỉ leo sườn núi liền nhau, không bị cản trở bởi khe suối. Trên đỉnh không có nước, chỉ có đá tạp loạn, nước cốc Tiểu bách, xuất phát tại dưới đài đó, theo hướng Bắc đổ xuống sông Hô-đà. Về phía Đông nam núi đó kéo dài 40 dặm liền vào Hằng châu, biên giới huyện Hành đường. Phía Đông núi Phiên lãnh cùng liền với Hằng nhạc. Phía Tây bắc kéo dài 13 dặm liền vào cốc Đại bách thuộc biên giới huyện Phần trĩ.

Tây đài cao 35 dặm, trên đỉnh đất bằng phẳng chu vi rộng 2 dặm, có nước. Phía Đông cách suối Thái hoa 4 dặm. Về phía Tây bắc núi đó

kéo dài 20 dặm tức vào Nga cốc thuộc phía Tây biên giới huyện Phồn trĩ.

Nam đài cao 37 dặm, trên đánh đất bằng phẳng chu vi rộng 2 dặm, không có nước. Về phía Tây bắc cách suối Thái hoa 80 dặm, phía Nam có khe nước, nguồn phát xuất từ núi đó. Từ nguồn phát xuất về phía Đông nam chảy loạn nhiều dòng, vào khe nước phía Đông. Về phía chánh Nam núi đó kéo dài 60 dặm tức đến ngay chùa Khâm nham thuộc biên giới huyện Ngũ đài.

Bắc đài cao 38 dặm, trên đánh đất bằng phẳng rộng 3 dặm. Về phía Nam cách suối Thái hoa 12 dặm, trên đánh luôn có đá lở lịc, khe suối Tùng thạch, lạnh đông chẳng chảy. Về phía chánh Bắc núi đó kéo dài 20 dặm tức liền với cốc Đại bách thuộc biên giới huyện Phồn trĩ, trong cốc có nước bắt nguồn từ Bắc đài xuôi chảy vào sông Hô-đà. Theo kinh Sơn Hải nói: “Núi Thái hỷ nơi phát xuất nước sông Hô-đà”. Quách Phác chú thích rằng: “Sông Hô-đà ngày nay phát xuất từ núi Võ phu, phía nam huyện Lỗ thành thuộc Nhạn môn”. Theo “Quát Địa Chí” nói là: “Núi Thái hỷ và Võ phu tức là chỉ 1 núi vậy. Nay gọi đó là Phái sơn, tức là đài Đông cách huyện Phồn trĩ 90 dặm”.

3. CỔ KIM THẮNG TÍCH

Từ khi Chu Mục gặp Hóa Nhân trở về sau, Hán Võ được kim thần trở về nước, xưa trước tiếp nối rõ ràng, lâu in hình nơi giản độc. Chỉ vì Tần Vương (Tần Thủy Hoàng - Doanh Chính 246-209 trước tây lịch) phóng tứ hung nghịch, thiêu đốt hết thi thư, bèn khiến những bậc khéo học chân thừa cùng thời vận mà suy mất! Mãi đến thời vua Hiễn Tông (?) cảm mộng, sáng cả dân lớn mạnh dướm nhuần khắp nơi mà mở đường, giá nhật nguyệt mà tranh sáng, thật là vĩ đại thay! Có thể khái lược mà nói vậy. Kịp đến thời đại Bắc Tề dòng họ Cao bình trị (550-578), hoàng dươg sâu rộng về tượng giáo, chùa tháp khắp trong nước nhà có gần 40 ngàn ngôi. Trong đó, có hơn 200 ngôi già lam. Lại cất thuế khóa ở 8 châu để làm tài vật cúng dường y phục thuốc thang cho sơn chúng (chư Tăng) căn cứ theo đó mà rõ biết thì tiên ở Linh hướng nên xúc chạm đất mà lắm nhiều. Gặp đến lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, kinh điển Phật pháp bị giẫm nát, phương huy thạch quý tiêu tan gần hết. Như tự chẳng có thần minh chia phân gìn giữ hiếm có kẻ cầm cương hiện còn. Nay, mọi sự ghi lục đây đều từ những người đó đến nơi chân thật ẩn mất diêu tàn, có thể gọi là hơi thở rất dài vậy. Nên ở đó có đạo dựng tháp miếu, tu đạo tôn

nghe, cảnh nghiệp xứng đáng, tuy chẳng như xưa trước, nhưng đều theo thứ tự mà nói bày đó vậy.

Tại trên Trung đài, có một ngôi tinh xá bằng đá xưa cũ do Thứ sử Thôi Chấn ở Lê châu thời nhà Ngụy tạo dựng. Lại có vài mươi ngôi tháp đá nhỏ, phần nhiều đều đã bị hủy nát. Nay hiện có nền móng đá sắp chất liền nhau của 2 phòng thất vuông rộng hơn 3 trượng, cao 1 trượng 5 thước. Thất phía Đông có 1 tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng cao bằng thân người. Thất phía Tây có 1 tôn tượng Bồ-tát Di-lặc ngồi hơi nhỏ hơn so với tượng Văn-thù. Trong 2 thất đó, các thứ hoa lọng cúng dường, các thứ đệm dạ thọ dụng không gì chẳng mới đẹp. Đó là nơi Sa-môn Đại thừa Cơ ở chùa Từ Ân đã đến đó vậy. Cơ (Khuy Cơ) tức là đệ tử thượng túc của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Năm Hàm Hanh thứ 4 (673) thời tiền Đường, Sa-môn Khuy Cơ cùng hơn 500 vị vừa Tăng vừa Tục đến đó tu hành, hoặc nghe có mùi hương thơm khác lạ, âm thanh chuông khánh hòa vang. Năm đó, các hàng đạo tục ở Hàng châu lại tạo 1 ngôi phù đồ bằng sắt cao hơn 1 trượng nghinh đưa đến núi Ngũ đài. Đầu tiên thiết đặt ngay giữa khoảng thạch thất. Ở phía Nam có 2 bia văn cũ nay đã bị ngã đổ, chữ khắc đều bị xóa mờ, chỉ còn hơi ngời sáng, tôi tẩy rửa để đọc xem đó nhưng trọn không biết 1 chữ! Một bia do Thứ sử Thôi Chấn ở thời nhà Ngụy tạo, 1 bia Hàn châu trưởng sử Trương Bị lập. Tương truyền là: “Trương Bị từng đi đến núi Cẩm Thánh nên lập bia đó để thuật bày manh mối xưa trước, cùng 700 người dẫn đến lên đài mà dựng lập đó”. Từ đó về phía Đông nam đi men theo đánh núi dần xuống hơn 30 dặm là đến chùa Đại phu đồ. Chùa đó do vua Văn Đế (?) thời Nguyên Ngụy dựng lập. vua Văn Đế từng đến dừng ở đó, sắm đủ mọi thứ kính phụng Thánh nghi, bèn phát Thánh tâm tạo dựng chùa Vũ đó. “Phu” nghĩa là “tin”. Nói vua đã gặp cảnh phi thường bèn mở phát tâm tin rộng lớn. Và lại nay thấy 2 ngôi nhà ở phía Đông tây, tôn tượng thiết đặt vẫn hiện còn. Ngoài ra, hành lang nền móng cảnh vực phản phát hiện còn. Theo “Quát Địa Chí” nói: “Lấy “Phu” là “Phò”. Còn theo “Cao tăng truyện” thì lấy “Phu” là “Bố”. Đó đều là sự sai lầm của trong các truyện lục vậy. Và các xứ ở núi đó, Thánh tích thật lắm nhiều, đến như những sự cảm kích tâm linh chưa có nơi nào như ở đó. Nên những người trước sau qua đến, tuy có kiến thức ngu dốt tâm tình bỉ ổi cũng đều khẩn thành bùi ngùi đượm ướt khăn áo, và đều nghĩ suy cải đổi cố gắng. Phía dưới 2 ngôi nhà ấy, không dung người phàm dừng ở. Xưa kia có 1 vị Tăng, đến trong nhà phía Đông ở lại qua đêm, đoan tọa tụng kinh, bỗng cảm thấy bị bỗng ném xuống khe suối ở

phía Đông vậy. Từ đó về sau, mọi người sang đó không dám xâm phạm. Xưa kia tại chùa đó có 3 vị Sa-di từng nghe các bậc túc đức đàm nói có sự linh ẩn bèn cùng nhau dẫn đến hang cốc phỏng tìm mong được thấy gặp. Trải qua 4-5 ngày, lương thực muốn hết bèn tìm đường trở về, đến 1 đỉnh núi Ngựa dựng nghỉ dưới gốc cây. Chỉ chốc lát thấy có 1 người sắc da đen sạm men theo đỉnh núi đi lên, 3 vị Sa-di đó cúi đầu lễ bái xưng gọi rằng: “Thánh giả hãy hiện lại đạo thuật!”. Người ấy bảo: “Đợi ngày mai, ta sẽ trở lại, các ông tạm đến núi phía Đông đợi chờ ta dưới gốc tùng. Nếu thấy người vào hang, gọi cầu đó thì tự được”. Xong, bèn xuống đỉnh núi phía nam mà đi. Ba vị Sa-di men theo đỉnh núi đến núi phía Đông có được 1 cây đại thọ. Bụng cây đó rộng không như là nhà cửa, đến gần trông xem thấy mật mỡ, 3 vị Sa-di đó đứng đợi chờ bên cạnh cây đến sau giờ Ngọ, bỗng nhiên như có 1 xấp lụa rơi xuống trước cây, thì ra 1 bậc trượng phu râu tóc tai cao, sắc mặt tợ hoa đào đi thẳng vào trong hang cây tùng, cả 3 vị Sa-di không dám lại gần, kinh sợ cùng đứng trông xem. Một vị nói là: “Cứ đứng nơi cửa hang chờ đợi ra liền chết ôm chằm lấy đó”. Giây lâu, người ấy vừa mới đi ra, 1 vị Sa-di liền ôm lại, còn 2 vị kia kính lạy xin ban ân. Người ấy tỏ vẻ tức giận quát mắng rằng: “Đồ vật ngu si sao chẳng thả ra? Ta trọn không nói gì đâu?”. Vị Sa-di ấy liền buông thả ra, người đó liền vọt nhảy giữa hư không mà đi. Khi ấy cùng nhau tìm lại hướng Tây mà trở về, đến chiều tối thì đến nơi gặp người béo mập đen sạm hôm qua, bỗng thấy người ấy lại vạch rừng mà leo lên đỉnh, ngược hỏi 3 vị Sa-di rằng: “Người ấy có làm gì nói gì chẳng?” 3 vị Sa-di đáp: “Người ấy rất giận dữ, chẳng nói điều gì”. Người đó cười bảo: “Ham thích rượu lại uống, các người khiến náo loạn người đó. Thận trọng chớ trở lại, hãy gấp lấy rượu của người ấy mà uống”. Nói xong, lại theo hướng Bắc mà đi xuống. Ba vị Sa-di y theo lời bảo đó vào hang, có bậc đá đặt dưới, dài khoảng 2 trượng, phẳng bằng gần xuống phía Bắc, đều toàn đá sắc trắng quanh hạng, ánh sáng như ban ngày, có 1 chiếc bình bằng bạc, dùng mâm bạc đặt lại, phía trên có 1 cái chén bạc. Rượu đó có mùi thơm cay ngon lành khác hẳn mùi rượu ở thế gian. Ba vị Sa-di uống thử rượu đó, chỉ mới được ra khỏi hang, bèn đều say cả, đến lúc tỉnh lại cảm thấy ngoài miệng mỗi vị đều có loài trùng nhỏ như lông đuôi ngựa rúc rải ngang dọc vô số. Từ đó, nhan sắc cả 3 vị Sa-di đẹp nhuận, khí lực mạnh gấp bội, trở về lại chùa vài ngày sau, động 1 lúc mà mất vậy.

Ở phía Nam chùa đó có vườn hoa rộng khoảng vào ba khoảnh đất đai màu mỡ tươi tốt, có trăm ngàn danh phẩm, sắc màu sáng đẹp tương

trạng đồng như thư cảm, tức do vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàng 466-471) thời Bắc Ngụy trồng nên đó. Theo các hàng sĩ tục nói là: Hoa ấy vào giữa mùa hạ hơi tươi tốt nhưng chưa lắm nhiều, đến ngày 15 tháng 7, đồng 1 lúc cùng phát, trải qua 7 ngày vụt nhiên đều tàn tạ. Chỉ vì ở nơi u hiểm khó tìm nên ít hiếm người trông thấy đó. Theo “Quát Địa Chí” nói về vườn hoa đó là rừng gấm hoa linh, chủng loại tên gọi khác lạ, chim muông thú vật thuần ở lâu, mặc chân chẳng nhiều, tin chắc đó là cảnh đẹp xinh vậy. Từ vườn hoa đó theo hướng Nam đi hơn 20 dặm có núi Phạm tiên, còn gọi là núi Tiên hoa. Xưa kia có người đó ăn dùng hoa cúc mà được thành tiên, nên lấy tên gọi là Phạm tiên hoặc Tiên hoa vậy. Nay, trong tháng 9 năm Tân Đức thứ nhất (664) vua Cao Tông (Lý Trị) thời tiền Đường sai sứ Ân Chân Vạn Phước cưỡi theo ngựa trạm đến đó hái hoa vậy.

Từ chùa Đại phu về phía Đông nam cách 200 bộ có đền thờ Ngũ đài. Khoảng cuối thời nhà Tùy, đền thờ đó bị thiêu chỉ còn lại dấu vết mà thôi. Từ chùa Đại phu về phía Bắc, cách 4 dặm có chùa Vương tử thiêu thân. Tại đó trước kia có ngôi tháp cổ của vua A-dục. Đến đầu thời Bắc Tề (550) vị Vương tử thứ 3 đến đó cầu mong Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà trọn không được thấy mới đến phía trước tháp phát nguyện tự thiêu thân để cúng dường. Nhân đó mà tạo dựng thành chùa ấy vậy. Với Vương tử ấy, có Hoạn quan Lưu Chi tự bùi ngài thấy di hình còn lại, lại cảm sự việc Vương tử thiêu thân, bèn tấu xin vào núi tu Đạo, được vua (?) ban sắc chấp thuận. Mới đến ở đó đọc tụng kinh Hoa Nghiêm trọn 21 ngày hành đạo, cầu mong được thầy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, bèn được thâm ứng, liền được hoàn bị thân căn, nhân đó liền giải ngộ mới trước thuật luận Hoa Nghiêm 6 quyển. Luận gần tất cả đuôi đầu, bèn trở về lại tấu trình. vua Cao Tổ (?) kính tin, do đó càng tăng thêm thưởng ngày giảng 1 Thiên Hoa Nghiêm ở thời bấy giờ rất thanh hành. Xưa kia trong năm Hy Bình thứ nhất (516) thời Bắc Ngụy có Sa-môn Linh Biện ở núi huyện Ông tiên đầu mang đội kinh đó đồng mãnh hành Đạo, dưới chân rách nát đổ máu, do sự tinh cần chí thành mà cảm ngộ, mới đồng hiểu được kinh điển đó, bèn trước thuật luận gồm 100 quyển. Bấy giờ Hiếu Minh hoàng đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy thỉnh mời đến ở điện Thức càn để phu dương áo chỉ. Các hàng tể phủ danh tăng đều theo đối mặt về phương Bắc. Pháp sư Linh Biện thị tịch trong tháng giêng năm Chánh Quang thứ 3 (522) thời Bắc Ngụy, lúc đó vừa mới 36 tuổi. Đâu chẳng là do sức tinh tấn cảm nên, khác thời đồng trần thay!

Từ chùa Vương tử thiêu thân về phía Đông bắc chưa rõ số dặm xa

gần là đến Trung đài, phía Nam Bắc đài, phía Tây Đông đài chính giữa của 3 núi đó, đường đi sâu hiểm, mọi người chẳng thể đến. Truyền nghe về hang Kim Cang. Hang Kim Cang là nơi đầy đủ các thứ cúng dường chư Phật 3 đời, phần nhiều là cất chứa tại đó. Căn cứ theo “Kỳ Hoàn Đồ” nói là: “Trong Kỳ hoàn có 1 bộ nhạc trời được làm thành bằng 7 vật báu”. Tiên nói: Lại căn cứ theo Linh tích ký nói là “Nhạc đó do quỷ vương La-sát ở núi Lăng già tạo ra, đem đến dâng cúng Đức Phật Ca-diếp vì là cúng dường nên sau khi Đức Phật Ca-diếp thị tịch, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem đến trong hang Kim Cang tại núi Thanh lương. Đến lúc Đức Phật Thích-ca xuất hiện nói đời, lại đem đến Kỳ hoàn, trong vòng 12 năm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại đem vào trong hang Kim Cang ở núi Kim Cang. Lại còn có không hầu bằng bạc, người trời bằng bạc ngồi trên hoa 7 báu đàn gảy không hầu ấy. Lại có đại Tỳ-nại-da tạng bằng giấy vàng sách bạc, Tu-đa-la tạng bằng giấy bạc sách vàng. Sau khi Đức Phật diệt độ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều đem đến trong hang Kim Cang ở núi Thanh lương.

Xưa kia, dưới thời các vua Cao Tê (Bắc Tê), tại chùa Đại phu có Sa-môn Trường Vân, vốn dòng họ Chu không rõ là người ở xứ nào, chỉ vừa vài tuổi bèn xuất gia, mới đầu nương theo Sa-môn Tăng Thống Thích Linh Tuân ở Tinh châu làm đệ tử. Ngài Linh Tuân muốn xét xem tập nghiệp xưa trước, bèn đem kinh tạng Đại thừa, để cho mặc tình chọn lấy, mới lấy được bộ kinh Niết-bàn, nhân đó bảo Tường Vân tập học tụng đọc đó, chưa tròn 1 năm mà 1 bộ kinh Niết-bàn đó được hoàn tất. Mỗi ngày đọc tụng 1 biến lấy làm lệ thường. Đến lúc đã nghe đó là núi linh mới tìm sang ở. Sau, đến phía Nam chùa, thấy có khoảng hơn vài mươi người đều cao lớn cả trượng, trong đó có 1 vị oai đức vượt trội đi thẳng đến nghinh tiếp, đánh lễ mà thưa rằng: “Cầu xin sư hành Đạo 7 ngày”. Tường Vân đáp rằng: “Chưa rõ Đàn-việt là người nào, nhà ở đâu?”. Những vị ấy thưa rằng: “Đệ tử là thần núi đây ở hang Kim Cang”. Khi ấy bèn dẫn Tường Vân theo hướng Bắc đi khoảng vài dặm, thấy cung điện vườn rừng đều dùng bằng các thứ Chu Bích để nghiêm sức. Tường Vân mới ở đó trì tụng kinh, âm thanh lưu loát rõ ràng vang hưởng khắp cùng cung thất. Sau khi trì tụng kinh xong, thần đem các vật trân quý cúng dường Tường Vân, Tường Vân chẳng chịu nhận. Thần cố cầu thỉnh mới nhận lấy. Tường Vân nói rằng: “Bần đạo cảm mắc hoạn đời sống này chẳng được lâu dài. Do tu Đạo nghiệp, Đàn-việt hẳn cũng không sót bỏ xin ban cho thuốc thần linh”. Thần nói: “Điều đó cũng có thể được vậy”. Bèn lấy ra 1 viên thuốc lớn như trái táo, sắc màu như

luyện mà kính dâng cúng. Tương Vân nhận rồi tiện dùng đó bèn được lên tiên, trở lại chốn kinh đô, tỏ bày tạ từ mà đi.

Từ Trung đài về phía Nam cách hơn 30 dặm, tại ven sườn núi có đường thông lớn, người đi đến đài thường đi bằng đường đó. Bên cạnh có 1 ngôi thạch thất rộng 3 gian. Bên trong có các tôn tượng Phật Thích-ca, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Phổ Hiền v. v... lại có phòng ốc, nhà bếp, màn chắn v. v... hiện còn. Gần đây, trong năm Hàm Hanh thứ 3 (672) thời tiền Đường, Thiền sư Nghiễm đến ở đó tu tạo dựng lập để cho các hàng đạo tục lên đài, qua lại dừng nghỉ. Thiền sư Nghiễm vốn người ở Sóc châu, chưa rõ thuộc dòng họ gì, xuất gia năm 17 tuổi, đi thẳng đến núi đó để lễ bái, vui mừng với điều may mắn, nên phát nguyện tu tạo chân dung tôn trí tại đó. Và Đạo nghiệp thuần túy, tính khổ vượt hẳn, cảnh hạnh rất có giá. Nên từ tinh quận trở về phía Bắc chỉ có 1 người đó mà thôi. Từng ở tại Hằng an tu sửa tôn tượng xưa cũ nơi hang đá vua Hiếu Văn Đế (?), tuy mọi người tôn xưng là chủ nhưng Thiền sư Nghiễm chưa dự tham huyền hóa. Trong vòng ngàn dặm trở lại không ai chẳng nghe đạo phong mà kính trọng. Hai mùa xuân thu thường đưa các thứ sữa lạc bông tơ đến để cúng dường tạo phước. Ngoài ra, về thẳng hạnh thù cảm cuối cùng do vụn vật hết. Năm Hàm Hanh thứ 4 (673) thời tiền Đường, Thiền sư Nghiễm thị tịch tại thạch thất. Cách ngôi nhà ấy về phía Đông bắc hơn trăm bộ, hiện còn ngôi tháp Thiền sư Nghiễm ngôi kiết già như hiện đang sống, mọi người qua lại thấy đều được trông thấy. Từ thạch thất về phía Đông nam cách khoảng vài dặm riêng có 1 ngôi tốt-đổ-ba nhỏ, phía trên có chùa Thanh lương do vua Hiếu Văn Đế tạo dựng, tôn tượng Phật dường ở đó đến nay đều hiện còn.

Tại Đông đài cũng có ngôi tháp được sắp xếp bằng đá cao khoảng 6-7 trượng, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Từ đài về phía Đông tiếp liền với Hành nhạc, khoảng giữa rộng tới rộng, hiểm ít dấu chân người bước đến. Theo các bậc lão thành xưa trước tuyến là có nhiều người đến ẩn dật tại đó. Tôi từng đến phía Đông bắc đài đó, gặp được 1 người, hỏi về vết tích xưa cũ. Người đó đưa tay chỉ giữa khoảng 2 bên đài nhạc mà bảo là: “Thời xưa, nhân đi săn đến phía Đông của đài, thấy hoa quả cây rừng tươi tốt có hơn 10 khoảnh. Về sau trở lại phỏng tìm, trọn chẳng thấy ở đâu. Vả lại, trong các đài thì đài đây rất xa. Giữa khoảng đó núi hang chuyển đổi hình trạng, nên người trông thấy đều mất chỗ ghi nhớ, nên các người đến lễ bái tham yết, đều chẳng thể đến.”

Xưa kia có 1 vị Tăng đến núi lễ bái. Đến trên Trung đài, muốn

đến Đông đài, xa thấy phía trước có vài mươi con trùng lớn nghênh dẫn trước mà đi. Vị Tăng ấy nguyện dốc hết thân mạng cần phải được đến lên đó. Bỗng chốc mây lành nên nổi sinh tỏa hai bên tả hữu, trong khoảnh khắc trông nhìn lại như bít mắt, bèn rất kinh sợ nên bùi ngùi hối hận mà rút lui! Xưa trước tôi có cùng phạm tăng Thích-ca-mật-đa-la lên trên Trung đài. Mật-đa-la mới đầu nói là hẳn phải đi, nhưng sau trọn chẳng đi. Tôi cho là các bậc Thánh giả phần nhiều ở tại trong đó.

Tại Tây đài, lược không thể nêu thuật. Phía Tây của Tây đài có hang Bí ma. Xưa trước vào thời Cao Tề (Bắc Tề 550-578), có Tỳ-kheo-ni Pháp Bí, là người tuệ tâm thiên ngộ, chân khí riêng trội vượt, vất bỏ thế tục huyền não, xa đến ở đó suốt 50 năm, như mới đầu không đổi thay bước chân. Do thiên tuệ cảm nên, ở đời khắp nghe, đến năm hơn 80 tuổi mới thị tịch tại đó, người đời sau rất mực kính trọng, nhân lấy đó mà gọi tên hang. Tôi từng cùng vài ba người vừa tăng vừa tục cố ý sang tìm đó, trông xem nơi ở, mới là kỳ quán của địa phủ. Hai phía Đông-tây của hang vách dựng đứng cao vài ngàn trượng, đường văn đá 5 sắc, đẹp xinh tựa như ráng sớm, có vài hàng cây tùng trồng cắm rễ nơi bụng hang. Ở đó 2 bên dần giáng xuống hợp ở mặt phía Tây, khoảng giữa có 1 con đường mới có thể dung được thân người chen đi. Ngoài ra tướng trạng thiên nhiên như thành quách và Phật đường, phòng nhà hiện có vài gian. Các vết tích thiên tụng đủ khiến người trông xem đầy khởi nghĩ nhớ.

Tại Nam đài, linh cảnh tịch hoang nên mọi người ít đi đến đó. Ở phía Tây của nam đài có núi Phật quang, phía dưới có chùa Phật quang do vua Hiếu Văn Đế tạo dựng. Có Phật đường rộng ba gian, phòng tăng rộng hơn 10 gian, tôn nghi chỉnh túc hòa mục, suối rừng trong tốt.

Xưa kia, đầu thời nhà Tùy, chánh giáo phục hưng, phàm ở các ngôi già lam, mặc tình tu bổ. Bấy giờ Thiền sư Giải Thoát ở chùa Chiêu quả tại huyện Ngũ đài, đến đó và có chí muốn trọn đời sống tại đó, nên gia tâm tu sửa tạo dựng. Thiền sư Giải Thoát vốn dòng họ Hình, người thuộc bản xứ. Vừa độ tuổi reng ngựa liền dự phần xuất gia, xưa trước đã gieo trồng gốc đức, nên sớm nghĩ nhớ hỏi đến bến bờ. Mới đầu, theo Thiền sư Chí Chiêu ở núi Bảo phúc thuộc phía hữu Giới sơn, hỏi cầu định nghiệm. Thiền sư Chí Chiêu cũng là người gần lên bậc Thánh, khéo hết trở lại nguồn, mà bên trong tích chứa sự nhận biết về người, đặc ban thù lễ, bảo cùng đại chúng rằng: “Giải Thoát là người tập học thiền pháp xung minh, các ông không thể sánh kịp, chớ đồng bạn thường khiến làm mọi việc chúng tăng”. Trải qua thời gian không lâu, giải Thoát bèn trở

về nơi chỗ ở cũ. Từ đó thường trì tụng kinh Pháp Hoa và hành trì các pháp sám Phật Quang v. v... Giải Thoát đã từng có vài lần đến chùa Đại phu truy tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tại phía tả của Đông đài đa từng vài ba phen được gặp. Mới lần đầu thì đánh lễ xong rồi bỗng nhiên ẩn mất, lần sau thì đích thân tiếp thừa âm huấn. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Giải Thoát rằng: “Nay ông sao lại phải thân gần kính lễ ta? Có thể nên tự hối trách chính mình, hẳn sẽ ngộ giải vậy”. Giải Thoát kính vâng Thánh chỉ ấy, nhân đó tự tìm lại bên trong, mới tỏ ngộ vô sinh, cùng tăng thêm pháp hỷ, bèn bù ngùi với sự riêng tốt lành đó, nghĩ nhớ rộng cứu tế, chí thành cầu đại giác, thỉnh cần tâm này, mới cảm được chư Phật hiện thân đồng tiếng nói bài kệ rằng:

*“Pháp chư Phật tịch diệt sâu mầu
Nhiều kiếp tu hành nay mới được
Nếu hay mở hiểu pháp nhân đây
Hết thấy chư Phật đều tùy hỷ”.*

Giải Thoát lại hỏi giữa không trung rằng: “Pháp tịch diệt làm sao có thể giảng nói được để giáo hóa mọi người ư?” chư Phật liền ẩn, chỉ có tiếng nói:

*“Trí phương tiện làm đèn
Tâm chiếu kiến cảnh giới
Muốn tầm chân pháp tánh
Thấy đều không chỗ thấy.”*

Lại từng có Đô đốc ở Bản châu thỉnh truyền hương giới. Đến lúc pháp hóa đã hoàn tất, sắp xếp việc trở về phương Đông, Đô đốc và chư Tăng tín đồ đưa đến đầu phía Đông thành, ngày giờ đã sắp chiều tối, Giải Thoát tự tư duy là không được đốt hương cúng dường, nên lật đật hổ thẹn, bèn nghe ở đầu thành có tiếng bảo rằng:

*“Chấp tay làm tràng hoa
Thân làm vật cúng dường
Tâm thuần thiện chân thật
Tán thán khói hương tỏa
Chư Phật nghe hương ấy
Đồng lúc đến cùng độ
Đại chúng siêng tinh tấn
Trọn chẳng cùng nghi lâm.”*

Khi đó, Giải Thoát đã nghe tiếng ấy rồi lại càng đồng mãnh, từ đó về sâu sự chứng nhập càng sâu. Cảnh hạnh núi cao đều là thuộc đó. Tiên nói rằng: “Căn cứ theo Biệt truyện thì Thiền sư Giải Thoát

đã được Đại Thánh chỉ bày tâm ấn, mới nhún nhường tự chặn dất mình chuyên tinh hầu chúng. Về sau Đại Thánh đích thân đến thử nghiệm, thường mỗi sáng sớm, Giải Thoát nấu cháo cho chúng Tăng, Đại Thánh bỗng hiện đến trước, Giải thoát chẳng đoái hoài ngoáy lại nhìn. Đại Thánh cảnh tỉnh bảo rằng: “Tôi là Văn-thù, tôi là Văn-thù!”. Giải Thoát liền ứng tiếng đáp rằng: “Văn-thù mặc Văn-thù, Giải Thoát mặc Giải Thoát!”. Đại Thánh xét đó là lời tỏ ngộ, bèn liền ẩn thân. Từ đó mọi người xa gần đua nhau tìm đến thỉnh hỏi điều lợi ích như dòng chảy. Mỗi ngày đông có đến vạn người. Đức nghiệp của Giải Thoát như mây lành chở che 8 hướng, tợ mưa cam lồ đượm trăm thứ lúa thóc. Các hàng Thích tử ở bốn phương thấy đều đến chiêm ngưỡng tựa nương. Phàm những lúc khởi dẫn khuyến gắng mọi người, Giải Thoát chỉ nghiêm chỉ cần. Thời ấy, chưa lập thành từng tịch, nên ngôi lộ bày lắm nhiều, bèn khiến bình bát, giường chông ánh ngời cả rừng chằm, cúi vâng khéo dẫn dụ, tùy sự mà dẫn bày, mọi sự khởi kích nhanh chóng, lược không thường chuẩn. Nên các bậc sĩ đến của chẳng thể lén nhìn vào sâu. Nhưng chẳng ra khỏi chùa đó suốt 50 năm, học thành thiền nghiệp có hơn ngàn vị. Từ ngoài mong ngóng Đạo phong đượm nhuần sóng cả lại quá gấp bội số đó. Nghĩ tìm về truyện ký thì phần nhiều thấy ở người xưa. Tuy Thiền sư Tuệ Tư ở Hành nhạc, chứng đắc thập tín, hiển bày đạo vị cao. Thiền sư Trí Giả ở núi Thiên thai, ngũ phẩm nêu lớn ngang bày. Đến như Tam tạng Pháp sư Huyền Trang bản cùng môn nhân: “Như ta có mọc được lông cánh cũng chưa có lớn thanh như vậy!”. Tự chẳng phải hạnh vị cao siêu, rũ vết với đồng phạm, hẳn nhờ Đại Thánh ngầm thông, hổ giúp giải thoát hằng dương dụ hóa vậy. Nên tại phía Tây Hằng nhạc, thuộc góc Đông nam của Thanh lương có vị tín nữ thanh tịnh cảm mắc bệnh mù mắt, thường xúc chạm đến núi ở, dốc tâm cầu nguyện Thánh giả Văn-thù-sư-lợi, ngày đêm tinh cần, chỉ thành khẩn đảo, cảm được Đại Thánh gia bị, bèn được sáng mắt lại. Về sau, hông biết như thế nào? Lại nữa, các hàng sĩ tục ở Hằng châu có hơn 50 người, trong 6 ngày trai, thường mang các thứ hương hoa phẩm vật trân quý đến cúng dâng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vạn vị Bồ-tát, thường năm như thế không suy mất. Lại xả thí của cải vật quý, chọn đất tạo dựng chùa, khắc đá bia minh đến nay hiện còn. Trong thời Nguyên Ngụy có Sa-môn Đàm Loan vốn người thuộc dòng tộc cao quý ở Nhạn môn. Ngày còn sống trong thế tục từng đến dừng ở tại chùa đó, bện cỏ làm am, tâm mong cầu cảnh thật. Thế rồi được trông thấy khắp các vị Thành hiền, nhân đó bèn xuất gia. Nên trụ xứ đó là chỗ ở của Loan Công xưa trước vậy. Người đời sau mở

rộng nơi chốn đó tạo dựng thành chùa. Hiện nay, phòng ốc có 10 gian, tôn tượng thiết trí trang nghiêm chỉnh túc. Lại nữa, từ cốc Bản qua về phía Tây cách 15 dặm, có chùa Công chúa, nền móng hiện còn, chưa rõ tận tường về ngôi chùa ấy vậy.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

